

Số: /KH-UBND

Cà Mau, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến cuối năm 2026

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 29/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” (viết tắt là Đề án) trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 29/3/2026 của UBND tỉnh Cà Mau về thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp; cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT), doanh nghiệp và người dân về phát triển sản xuất lúa theo hướng chất lượng cao, giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước và các vật tư đầu vào, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp và điều kiện thực tế của địa phương.

- Xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân; bảo đảm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả với các chương trình, đề án, dự án đang triển khai trên địa bàn; ưu tiên sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tránh chồng chéo, trùng lặp, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hình thành và phát triển bền vững vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng quy trình

canh tác bền vững nhằm gia tăng giá trị, phát triển bền vững ngành hàng lúa gạo, nâng cao hiệu quả sản xuất, thu nhập và đời sống của người trồng lúa, giảm phát thải khí nhà kính bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Từ kết quả thực hiện vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp năm 2026 trên địa bàn tỉnh, sẽ tạo tiền đề mở rộng trong các năm tiếp theo.

2. Mục tiêu cụ thể đến cuối năm 2026

- Quy mô diện tích: Vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp theo kế hoạch 5.000 ha, phấn đấu đạt 6.000 ha.

- Áp dụng quy trình canh tác bền vững: Sử dụng giống lúa chất lượng cao, cấp xác nhận. Lượng giống gieo sạ 70 - 80 kg/ha; Giảm 20% lượng phân bón hóa học; Giảm 20% lượng thuốc bảo vệ thực vật, tăng cường sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống, 100% diện tích áp dụng một trong các quy trình canh tác bền vững (*1 phải, 5 giảm, SRP, tưới khô xen kẽ và các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP) được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng*).

- Tổ chức sản xuất: Trên 60% diện tích vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp (phấn đấu đạt 100%) được liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX, THT và Liên hiệp HTX; tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 50% diện tích.

- Bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh: Phấn đấu tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 10%; khoảng 50% lượng rơm tại các vùng chuyên canh được thu gom khỏi đồng ruộng và chế biến tái sử dụng; giảm trên 10% lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa truyền thống.

- Tăng thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng đạt trên 30%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Lựa chọn, xây dựng vùng sản xuất lúa tham gia Đề án

Vùng triển khai Đề án tại các xã, phường trồng lúa trọng điểm, cụ thể: Châu Thới, Hưng Hội, Vĩnh Lợi, Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Phước Long, Vĩnh Phước, Vĩnh Thanh, Hồng Dân, Vĩnh Lộc, Ninh Thạnh Lợi, Ninh Quới, Khánh Bình, Đá Bạc, Khánh Hưng, Tân Lộc, Trần Văn Thời; các phường Láng Tròn, Giá Rai, An Xuyên (*chi tiết kèm theo Phụ lục 1*).

Căn cứ tiêu chí vùng sản xuất lúa đăng ký tham gia Đề án theo Quyết định 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023, các xã, phường chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục rà soát, xác định diện tích đủ điều kiện để tổ chức thực hiện trong năm 2026.

2. Thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức và đào tạo, tập huấn cho cán bộ và người dân tham gia Đề án

- Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, thúc đẩy nông dân, HTX/THT và doanh nghiệp tham gia Đề án, liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa gạo theo hướng chất lượng cao, phát thải thấp và bền vững.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, chuyển giao kiến thức, kỹ thuật về canh tác bền vững, giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống MRV, nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc, cơ giới hóa, xử lý rơm rạ, nông nghiệp tuần hoàn, chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản trị, sản xuất - kinh doanh và liên kết chuỗi cho cán bộ, HTX/THT và người dân. Hướng dẫn, hỗ trợ và cung cấp thông tin phục vụ sản xuất, gồm đăng ký, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo quy định; phổ biến thông tin khí tượng, thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn và các thông tin cần thiết phục vụ sản xuất.

- Đẩy mạnh truyền thông đa kênh, phối hợp với cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội và nền tảng số để phổ biến kiến thức, mô hình hiệu quả và thông tin phục vụ sản xuất.

3. Hỗ trợ và phát triển vùng canh tác bền vững

3.1. Rà soát, áp dụng, hoàn thiện quy trình kỹ thuật đảm bảo tiêu chí phát triển bền vững

- Áp dụng các gói kỹ thuật về canh tác giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu trên lúa, hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác lúa chất lượng cao và phát thải thấp¹ phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của địa phương.

- Xây dựng các mô hình trình diễn/nhân rộng áp dụng quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp trên các vùng sinh thái và điều kiện sản xuất khác nhau, kết hợp hướng dẫn cho các HTX/THT người sản xuất trực tiếp thực hiện mô hình.

- Phối hợp xây dựng hệ thống MRV tại các mô hình trình diễn/nhân rộng đã áp dụng quy trình canh tác lúa chất lượng cao, phát thải thấp, hướng tới thị trường tín chỉ các-bon trong và ngoài nước².

3.2. Đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng tại vùng chuyên canh

- Tập trung nâng cấp, đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi và ô đê bao hiện có; đầu tư đồng bộ hệ thống thủy lợi với hạ tầng giao thông nội đồng, liên vùng,... nhằm chủ động tưới, tiêu theo quy trình tưới ngập khô xen kẽ (AWD), quản lý nước tiết kiệm, kiểm soát xâm nhập mặn; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa, vận chuyển vật tư và nông sản, phục vụ sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp.

- Rà soát mạng lưới kho, sấy, chế biến trong vùng chuyên canh lúa để tạo điều kiện về mặt bằng cho doanh nghiệp liên kết sản xuất - tiêu thụ mở rộng cơ sở sấy, chế biến để nâng cao hiệu quả và quy mô liên kết.

3.3. Tăng cường hiệu quả hoạt động của khuyến nông cộng đồng

Đẩy mạnh công tác khuyến nông cơ sở, đặc biệt là ấp/khóm, xã/phường; lấy THT, HTX nông nghiệp, doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi, điển hình làm nền tảng để hỗ trợ nông dân sản xuất bền vững. Hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp cho nông dân, dựa trên 3 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Chuyển giao công nghệ, kỹ thuật tiên tiến;

¹ theo Quyết định 4043/QĐ-TTTV-TTBVTV ngày 10/11/2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc ban hành quy trình sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng ĐBSCL

² theo Quyết định số 4801/QĐ-BNNMT ngày 14/11/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành quy trình thí điểm đo đạc, báo cáo thẩm định (MRV) trong canh tác lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng ĐBSCL

(2) Hỗ trợ thành lập và phát triển hợp tác xã; (3) Thông tin thị trường, liên kết sản xuất, đa dạng hóa chức năng và phương thức hoạt động khuyến nông.

4. Tổ chức liên kết sản xuất và quảng bá, tiêu thụ sản phẩm

4.1. Phát triển kinh tế hợp tác

- Củng cố, phát triển HTX/THT: Vận động hộ dân tham gia HTX/THT; mở rộng thành viên liên kết HTX, cam kết tuân thủ quy trình canh tác và tuân thủ điều khoản hợp đồng đã thỏa thuận. Khuyến khích mở rộng dịch vụ của các HTX/THT như: tưới tiêu, vận chuyển, tiêu thụ lúa, thu gom rơm rạ, cơ giới hoá làm đất, gieo sạ, bón phân, phun thuốc, thu hoạch.

- Nâng cao năng lực quản trị HTX/THT thông qua củng cố tổ chức lại bộ máy, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, ưu tiên chọn người có kỹ năng, chuyên môn tham gia quản trị, điều hành; tập huấn kỹ năng, chuyên môn cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật HTX/THT về kinh doanh, thị trường, chuyển đổi số,...

4.2. Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị lúa gạo

- Đẩy mạnh việc thực hiện kết nối cung cầu giữa HTX/THT với doanh nghiệp thông qua việc ký kết hợp đồng cung ứng vật tư đầu vào, dịch vụ phục vụ sản xuất và doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ lúa gạo. Chú trọng mời gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm trong vùng Đề án. Phát huy vai trò của hệ thống thương lái thu mua lúa, rơm rạ ở địa phương.

- Hỗ trợ HTX/THT nâng cao kỹ năng đàm phán, thương thảo hợp đồng, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Tổ chức tham quan thực tế các mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp, mô hình HTX có hoạt động liên kết chuỗi hiệu quả tại các địa phương vùng Đề án, làm cơ sở học tập và nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

4.3. Xây dựng và phát triển thương hiệu

- Tư vấn, hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX xây dựng đăng ký bảo hộ nhãn hiệu lúa chất lượng cao, phát thải thấp Cà Mau; hỗ trợ thiết kế, in ấn bao bì nhãn mác sử dụng nhãn hiệu lúa chất lượng cao, phát thải thấp “Cà Mau”.

- Khuyến khích các HTX, doanh nghiệp phát triển các sản phẩm chế biến từ lúa gạo, phụ phẩm đạt chứng nhận OCOP.

5. Huy động nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính

- Huy động sự hỗ trợ từ các quỹ, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, đại sứ quán các nước để triển khai có hiệu quả Đề án.

- Tiếp cận các nguồn hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để hoàn thiện hệ thống MRV (do đạc, báo cáo, thẩm định và cấp tín chỉ các-bon), hướng tới thị trường tín chỉ các-bon để chia sẻ tăng thu nhập cho nông dân và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm lúa gạo.

- Hình thành và phát triển lực lượng cán bộ thực hiện nhiệm vụ hệ thống MRV theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Áp dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành

- Thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển nông nghiệp của Chính phủ như: Nghị định 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết về đất trồng lúa; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện hành liên quan ngành hàng lúa gạo.

- Ưu tiên các chương trình hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp giữa HTX, THT với các doanh nghiệp.

- Phối hợp xây dựng cơ chế chi trả tín chỉ các-bon cho vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp.

- Chủ động rà soát, kết nối, mời gọi các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở thu mua, chế biến và xuất khẩu lúa gạo tham gia liên kết, bao tiêu sản phẩm tại các vùng thực hiện Đề án chưa có đơn vị liên kết tiêu thụ (*chi tiết tại Phụ lục 2*); hỗ trợ địa phương, HTX/THT xây dựng phương án liên kết sản xuất - tiêu thụ, tạo điều kiện để nông dân yên tâm sản xuất, ổn định đầu ra cho sản phẩm lúa chất lượng cao, phát thải thấp, phấn đấu từng bước hình thành liên kết tiêu thụ theo hợp đồng đối với 100% diện tích tham gia Đề án.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

(Kèm theo Phụ lục 3)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao trong năm 2026 (bao gồm nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa), kết hợp lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án có liên quan và huy động các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Đề án (theo Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 07/7/2026 của UBND tỉnh)

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án đến cuối năm 2026 theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, chất lượng hiệu quả được quy định tại Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 29/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các sở, Ngành, đơn vị chức năng và địa phương có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Đề án, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Điều phối, xử lý các vấn đề liên ngành phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung vượt thẩm quyền của các sở, ngành, địa phương.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

- Rà soát, xác định các vùng sản xuất đạt tiêu chí, phối hợp địa phương triển khai thực hiện Đề án trên cơ sở Kế hoạch tham gia thực hiện Đề án giai đoạn 2026-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ và phát triển các hợp tác xã, đào tạo nâng cao nhân lực quản lý hợp tác xã, nâng cấp kết cấu hạ tầng để tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất lúa bền vững.

- Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, chuyển giao các tiến bộ khoa học và kỹ thuật sản xuất lúa theo Đề án, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác/hợp tác xã, khuyến nông và khuyến nông cộng đồng tham gia thực hiện Đề án.

- Chủ trì rà soát các vùng sản xuất thuộc Đề án chưa có đơn vị liên kết tiêu thụ; phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, HTX/THT xác định nhu cầu, quy mô sản lượng, thời gian thu hoạch và các điều kiện liên kết. Chủ động kết nối, mời gọi doanh nghiệp, cơ sở thu mua, chế biến, xuất khẩu lúa gạo tham gia liên kết sản xuất - tiêu thụ; hỗ trợ xây dựng phương án liên kết, ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm, phân đấu đến cuối năm 2026 các vùng sản xuất tham gia Đề án đều có đơn vị liên kết thu mua theo hợp đồng.

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; từng bước xây dựng công cụ, biểu mẫu hoặc đường dẫn cập nhật dữ liệu dùng chung để các cơ quan, đơn vị, địa phương thuận tiện cung cấp, cập nhật thông tin về tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

- Tổng hợp kết quả triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan

- Căn cứ nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, địa phương, đảm bảo kịp thời, bám sát thực tiễn, đáp ứng mục đích, yêu cầu và mục tiêu đề ra.

- Định kỳ cuối mỗi vụ sản xuất và trước ngày 15/11/2026, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này (*kèm biểu mẫu tổng hợp tại Phụ lục 4*) về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Địa phương tham gia Đề án hằng năm tổ chức sơ

kết, đánh giá kết quả thực hiện; biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; đồng thời đề xuất điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn quản lý (nếu có).

- Ban Chỉ đạo Đề án, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các địa phương; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Thành viên BCD (QĐ số 2571/QĐ-UBND ngày 07/7/2026 của UBND tỉnh);
- Các sở, ngành, đơn vị (Mục IV);
- UBND các xã, phường có trồng lúa;
- Phòng NN-XD (Nhu_{KH5/29});
- Lưu: VT, TH88/8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Sửu

Phụ lục 1
Diện tích đăng ký thực hiện Đề án năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Xã/Phường	Diện tích lúa thực hiện mô hình Đề án theo chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định 851/QĐ-UBND (ha)	Diện tích địa phương đăng ký (ha)	Diện tích địa phương đăng ký thực hiện có nằm trong HTX/THT (ha)	Diện tích dự kiến có liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm đầu ra (ha)	Ghi chú
1	Xã Châu Thới	800	800	800	0	
2	Xã Hưng Hội	250	480	130	100	
3	Xã Vĩnh Lợi	250	480	0	0	
4	Xã Hòa Bình	300	600	350	0	
5	Xã Vĩnh Mỹ	300	1.560	300	300	
6	Phường Giá Rai	50	50	0	0	
7	Phường Láng Tròn	200	200	200	0	
8	Xã Phước Long	250	780	390	780	
9	Xã Vĩnh Phước	250	380	330	0	
10	Xã Vĩnh Thanh	300	300	300	0	
11	Xã Hồng Dân	250	250	250	250	
12	Xã Vĩnh Lộc	300	300	300	300	
13	Xã Ninh Thạnh Lợi	300	300	300	0	
14	Xã Ninh Quới	250	330	330	0	
15	Phường An Xuyên	70	70	70	70	
16	Xã Tân Lộc	50	50	50	50	
17	Xã Khánh Bình	150	1.060	1.030	1.060	
18	Xã Đá Bạc	500	750	750	750	
19	Xã Khánh Hưng	60	780	60	0	
20	Xã Trần Văn Thời	120	490	490	0	
	Tổng	5.000	10.010	6.430	3.660	

Phụ lục 2

Chi tiết thực hiện mô hình liên kết thuộc Đề án dự kiến thực hiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến cuối năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Địa điểm	Quy mô thực hiện (ha)	Thông tin HTX/THT tham gia			Nguồn kinh phí	Đơn vị tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản	Ghi chú
			Tên HTX/THT	Số thành viên	Diện tích thực hiện MH (ha)			
1	Xã Châu Thới	800			800			
1.1	Ấp Mỹ Trinh	300	HTX Nông nghiệp Đồng Tâm	200	300	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026 và vốn lồng ghép		Vụ Thu Đông 2026
1.2	Ấp Thời Chiến	200	HTX Đại Lợi	120	200			
1.3	Ấp Nam Hưng	150	HTX Nông nghiệp Nam Hưng	100	150			
1.4	Ấp Trung Hưng	150	HTX DVNN Hiệp Thành	100	150			
2	Xã Hưng Hội	480			130		100	
2.1	Ấp Quốc Kỳ	100	HTX Toàn Thắng	137	50	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026	Công ty Hoài Bảo (50 ha)	Vụ Hè Thu 2026
2.2	Ấp Gia Hội	100						
2.3	Ấp Cái Giá	100					Công ty Năm Kháng (50 ha)	
2.4	Ấp Sóc Đồn	80	HTX An Hưng Phát		50	Chương trình mô hình khuyến nông		Vụ Đông
			HTX Năm Mới		30			

						tỉnh 2026		Xuân 2026- 2027
2.5	Ấp Cả Vĩnh	50						Vụ Hè Thu 2026
2.6	Ấp Nước Mặn	50						
3	Xã Vĩnh Lợi	480						
3.1	Ấp Tân Tạo	30				Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026		Vụ Hè Thu 2026
3.2	Ấp Cái Dầy	30						
3.3	Ấp Thông Lưu B	30						
3.4	Ấp Xẻo Lá	30						
3.5	Ấp Xẻo Chích	30						
3.6	Ấp Hà Đức	30						
3.7	Ấp Mặc Đây	30						
3.8	Ấp Bà Chằng	30						
3.9	Ấp Nhà Thờ	30						
3.10	Ấp Nhà Dài A	30						
3.11	Ấp Nhà Dài B	30						
3.12	Ấp Trà Ban 1	30						
3.13	Ấp Trà Ban 2	30						
3.14	Ấp Thông Lưu A	30						
3.15	Ấp Chát Đốt	30						
3.16	Ấp Thạnh Long	30						
4	Xã Hòa Bình	600			350			
4.1	Béc Hen	200	HTX Nông nghiệp sinh thái The Rice Farm	50	100	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026		Vụ Hè Thu 2026
			HTX DVNN Cây Điều	20	50			
			HTX DVNN Béc Hen Nhỏ	35	50			
4.2	Tân Long	100						
4.3	Cái Tràm	100	HTX DVNN Cái Tràm A1	20	100			
4.4	Thị trấn A1	50	HTX DVNN Bò Đề	16	50			
4.5	Thị Trấn B1	50						

4.6	Láng Giài	50						
4.7	Xóm Lớn B	50						
5	Xã Vĩnh Mỹ	1.560,4			300,4		300,4	
5.1	An Nghiệp	237,7	HTX Nông nghiệp Vĩnh Cường	485	237,7	HTX liên kết với Cty Rihze tự thực hiện	HTX Nông nghiệp Vĩnh Cường	Vụ Hè Thu 2026
5.2	An Khoa	62,7	HTX Nông nghiệp Vĩnh Cường	485	62,7	HTX liên kết với Cty Rihze tự thực hiện	HTX Nông nghiệp Vĩnh Cường	
5.3	14	45				Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026		
5.4	15	45						
5.5	Ấp 17	45						
5.6	Ấp 18	45						
5.7	Ấp 19	45						
5.8	Ấp 21	45						
5.9	Ấp 33	90						
5.10	Ấp 37	45						
5.11	Ấp An Khoa	45						
5.12	Ấp An Nghiệp	90						
5.13	Ấp Bình Minh	45						
5.14	Ấp Đồng Lớn	90						
5.15	Ấp Thanh Sơn	45						
5.16	Ấp Kế Phòng	90						
5.17	Ấp Ninh Lợi	90						
5.18	Ấp Trà Co	90						
5.19	Ấp Nam Hưng	90						
5.20	Ấp Hậu Bồi	90						
5.21	Ấp Thanh Hưng 2	45						

5.22	Ấp Mỹ Phú Nam	45						
6	Phường Giá Rai				0			
6.1	Khóm 21	50				Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 2026		Vụ lúa – tôm 2026- 2027
7	Phường Láng Tròn	200			200			
7.1	Khóm 5	140	HTX Lúa Vàng	56	140	Các nguồn vốn đầu tư, xã hội hoá		
7.2	Khóm 9	30	HTX Hưng Phát A	30	30	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa		
7.3	Khóm 15	30	HTX lúa tôm Tân Đông	44	30	//		
8	Xã Phước Long	780			390		780	
8.1	Ấp Long Đức	130	THT Long Đức	104	130	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026	HTX Hoàng Chúc	Vụ Hè Thu 2026
8.2	Ấp Long Thành	131					HTX Hoàng Chúc	
8.3	Ấp Phước Thuận 1	129					HTX Quốc Ái	
8.4	Ấp Mỹ 1	130	HTX Quyết Tiến	130	130		HTX Trung Tính	
//8.5	Ấp Mỹ Tân	130					HTX Quốc Ái	
8.6	Ấp Tường 1	130	HTX Tiến Phát	130	130		HTX Tiến Phát	
9	Xã Vĩnh Phước	380			330		330	
9.1	Ấp Bình Lễ	170	HTX DVNN Bình Lễ	125	170	Chính sách bảo vệ và phát triển đất	HTX DVNN	Vụ lúa Hè Thu 2026

						trồng lúa năm 2026	Bình Lễ	
		30	HTX DVNN Bình Lễ	30	30		HTX DVNN Bình Lễ	Vụ Thu Đông 2026
9.2	Ấp Bình Bảo	80	HTX DVNN Vĩnh Hồng	58	80		HTX DVNN Vĩnh Hồng	Vụ lúa Hè Thu 2026
9.3	Ấp Bình Tốt B	50		44				Vụ lúa Hè Thu 2026
9.4	Ấp Phước Tân	50	HTX Tiến Công	25	50		Công ty TNHH Đức Thành IV	Vụ Lúa – tằm 2026 - 2027
10	Xã Vĩnh Thanh	300			300			
10.1	Ấp Vĩnh Đông	60	HTX Đông Bình	80	60	Ngân sách nhà nước; vốn đối ứng của HTX và người dân; nguồn lồng ghép các chương trình		
10.2	Ấp Vĩnh Tường	30	HTX Tiên Tiến	40	30			
10.3	Ấp Mỹ Phú Đông	30	HTX thành Lợi	40	30			
10.4	Ấp Tường Thắng	180	HTX Hồng Phát	115	180			
11	Xã Hồng Dân	250			250		250	
11.1	Ấp Ninh Hoà	115	HTX Nông nghiệp Phát Triển	55	115	Người dân đối ứng	HTX Nông nghiệp Phát Triển	
11.2	Ấp Bà Ai	60	HTX Nông nghiệp Vĩnh Phát	20	60	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026	HTX Nông nghiệp Vĩnh Phát	
11.3	Ấp Tà Ky	75	HTX DV-NNTS Hòa Phát	22	75		HTX DV-NNTS	

							Hòa Phát	
12	Xã Vĩnh Lộc	300			300		300	
12.1	Ấp Bến Bào	50	HTX DV tổng hợp Ba Đình	516	50	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026	HTX DV tổng hợp Ba Đình	Vụ lúa tằm 2026-2027
12.2	Ấp Vĩnh Thạnh	40	HTX Thành Công	20	40		HTX Thành Công	Vụ lúa tằm 2026-2027
12.3	Ấp Nhụy Cầm	170	HTX Dịch vụ lúa - Tôm Thành Lập	45	40		HTX Dịch vụ lúa - Tôm Thành Lập	Vụ lúa tằm 2026-2027
			HTX Dịch vụ Nông nghiệp Lúa - Tôm Hưng Phát	35	50		HTX Dịch vụ Nông nghiệp Lúa - Tôm Hưng Phát	Vụ lúa tằm 2026-2027
			HTX Dịch vụ Lúa – tôm Chiến Thắng	50	80		HTX Dịch vụ Lúa – tôm Chiến Thắng	Vụ lúa tằm 2026-2027
12.4	Ấp Sơn Trắng	40	HTX Nông nghiệp - Thủy Sản Sơn Trắng	40	40		HTX Nông nghiệp - Thủy Sản Sơn Trắng	Vụ lúa tằm 2026-2027
13	Xã Ninh Thạnh Lợi	300			300			
13.1	Ấp Cây Giăng	100	HTX Tấn Phát	40	100	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa		Vụ lúa tằm 2026-

						năm 2026		2027
13.2	Ấp Kos Thum	50	HTX Tôm - lúa xanh Ninh Thạnh Lợi	40	50			Vụ lúa tôm 2026-2027
13.3	Ấp Ninh Thạnh Tây	100	HTX Lúa - tôm Đoàn Phát	13	100			Vụ lúa tôm 2026-2027
13.4	Ấp Nhà Lầu I	50	HTX DVNN Tam Nông	10	50			Vụ lúa tôm 2026-2027
14	Xã Ninh Quới	330			330			
14.1	Ấp Ninh Điền	55	HTX NN Ninh Quới	42	55	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026		
14.2	Ấp Phú Tân	55	THT ấp Phú Tân	35	55			
14.3	Ấp Ninh Thành và Xóm Tre	55	HTX NN Ninh Bình	24	55			
14.4	Ấp Phú Tân	55	HTX NN Ngan Kè	45	55			
14.5	Ấp Ninh Lợi	55	HTX NN Vĩnh Phú	125	55			
14.6	Ấp Ninh Hoà	55	HTX DV NN Hoàng Phát	27	55			
15	Phường An Xuyên	70			70		70	
15.1	Khóm 20	70	Hợp tác xã Tân Hiệp	51	70	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026	HTX Tân Hiệp; Thương lái Nhan Văn Bào	Vụ lúa Hè Thu 2026
16	Xã Tân Lộc	50			50			
16.1	Ấp 6	50	HTX DVNN Tân Bình	60	50	Chính sách bảo vệ và phát triển	HTX DVNN	Vụ lúa tôm

						đất trồng lúa năm 2026	Tân Bình	2026- 2027	
17	Xã Khánh Bình	1.060			1.030		1.060		
17.1	Ấp Tham Troi	280	THT sản xuất 2/9	30	15	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026; liên kết với doanh nghiệp	Tập đoàn Lộc Trời	Vụ lúa Hè Thu 2026	
			THT sản xuất 30/4	30	25				
			HTX Dịch vụ nông nghiệp 8/3	30	240				
17.2	Ấp Minh Hà	210	HTX DVNN Minh Hà	28	210				
17.3	Ấp 8	90	THT sản xuất 1/5	55	70		Công ty Gạo ngon nhất		
			THT Thành đạt	30	20				
17.4	Ấp Chổng Mỹ	60	THT Phát Lộc	14	33				
			THT Chung sức chung lòng	17	27				
17.5	Ấp 12	30	THT sản xuất 26/4	15	30				
17.6	Ấp Kinh Hội	90	THT Chung Sức	28	40				
			THT Bình An	27	50				
17.7	Ấp 7	30	THT sản xuất 27/7	26	30				
17.8	Ấp 6	30	THT sản xuất Thuận Giàu	22	30				
17.9	Ấp 19/5	30	THT Cánh Đồng Vàng	27	30				
17.10	Ấp Phạm Kiệt	60	THT Phần Đầu	20	34				
			THT Tiến Lên	28	26				
17.11	Ấp Ông Bích	60	THT Đồng tâm - Hiệp Lực	20	24				
			THT Đồng Thuận	20	36				
17.12	Ấp 2	30	THT sản xuất Vườn Cau	24	30				
17.13	Ấp Rạch Nhum	30	THT sản xuất lúa VietGAP ấp Rạch Nhum	32	30				
17.14	Ấp Lung Bạ	30							
18	Xã Đá Bạc	750			750				
18.1	Ấp 3	60	HTX NN Cá khô bồi Tư Hùng	90	90	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026	Hợp tác xã, Công ty Chơn Chính		
18.2	Ấp 2	30							
18.3	Ấp 1	60	HTX DVNN Phúc Huy	60	60				
18.4	Ấp Đá Bạc A	60	HTX DVNN Long Giang	120	120				
18.5	Ấp Cơi Tư	30							

18.6	Ấp Cơi 6	30	HTX DV NN Nông Thịnh Phát	90	90			
18.7	Ấp Đá Bạc	30						
18.8	Ấp Đá Bạc B	30						
18.9	Ấp Kinh Hòn	30						
18.10	Ấp Kinh Dón	60	HTX DVNN Kinh Dón	210	210			
18.11	Ấp Sào Lưới	30						
18.12	Ấp 4	60						
18.13	Ấp 6	30						
18.14	Ấp Kinh Hòn Bắc	30	HTX DV NN Đồng Thuận	180	180			
18.15	Ấp Sào Lưới A	60						
18.16	Ấp Mũi Tràm B	30						
18.17	Ấp Mũi Tràm A	30						
18.8	Ấp Mũi Tràm	60						
19	Xã Khánh Hưng	780			60			
19.1	Ấp Trùm Thuật A	60	HTX Quỳnh Giao	29	60	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026		
19.2	Ấp Trùm Thuật B	60						
19.3	Ấp Bãi Ghe	30						
19.4	Ấp Lung Tràm	30						
19.5	Ấp Đường Ranh	60						
19.6	Ấp Kênh Mới	60						
19.7	Ấp Rạch Lùm A	30						
19.8	Ấp Rạch Lùm B	60						
19.9	Ấp Kinh Hảng A	30						
19.10	Ấp Kinh Hảng B	45						
19.11	Ấp Kinh Hảng C	30						
19.12	Ấp Công Nghiệp A	30						
19.13	Ấp Công Nghiệp B	60						
19.14	Ấp Bình Minh 2	30						
19.15	Ấp Nhà Máy A	30						
19.16	Ấp Nhà Máy B	75						
19.17	Ấp Kinh Dứng	60						
20	Xã Trần Văn Thời	490			490			

20.1	Ấp Bình Minh	30	THT Bình Minh 2	26	30	Chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026		
20.2	Ấp Kiểu Mẫu	60	THT Kiểu Mẫu	60	60			
20.3	Ấp Kinh Chùa	60	THT Kinh Chùa	60	60			
20.4	Ấp Khánh Lộc	30	THT Khánh Lộc	30	30			
20.5	Ấp Vườn Tre	30	THT Vườn Tre	30	30			
20.6	Ấp Ông Bích Nhỏ	30	THT Ông Bích Nhỏ	30	30			
20.7	Ấp Rạch Lãng	100	THT Rạch Lãng	100	100			
20.8	Ấp Đất Cháy	50	THT Đất Cháy	50	50			
20.9	Ấp Phong Lạc	50	THT Phong Lạc	50	50			
20.10	Ấp Đàm Thị Tường	50	THT Đàm Thị Tường	50	50			
	Tổng	10.010			6.430		3.660	

Phụ lục 3

Phân công nhiệm vụ cụ thể thực hiện nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện Đề án đến cuối năm 2026
(Kèm theo Kế hoạch số _____/KH-UBND ngày _____ tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
1	Lựa chọn, xây dựng vùng tham gia Đề án				
1.1	Rà soát hiện trạng, chọn vùng sản xuất lúa; giám sát, đánh giá kết quả mô hình Đề án thực hiện vụ Hè Thu 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	Danh mục vùng sản xuất đáp ứng điều kiện theo tiêu chí Đề án	Tháng 8/2026
1.2	Rà soát vùng/tiểu vùng đăng ký thực hiện Đề án (vụ Thu Đông/Lúa-Tôm)			Danh sách các tiểu vùng sản xuất lúa tham gia Đề án	
1.3	Xây dựng và phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chi tiết đến cuối năm 2026			Kế hoạch triển khai Đề án năm 2026 được phê duyệt	
2	Thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức và đào tạo, tập huấn cho cán bộ và người dân tham gia Đề án				
2.1	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch Đề án đến năm 2030 trên địa bàn toàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở ngành tỉnh; Báo và Phát thanh, truyền hình Cà Mau; UBND các	Báo cáo kết quả triển khai Đề án 2024-2025, kế hoạch thực hiện 2026-2030	Hoàn thành Tháng 7/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
		(CC TT và BVTV)	xã/phường; các tổ chức, đơn vị có liên quan		
2.2	Triển khai truyền thông đa kênh về mục tiêu, kỹ thuật canh tác giảm phát thải, hệ thống MRV và thương hiệu “Lúa gạo phát thải thấp”, góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi sản xuất của nông dân	Báo và Đài Phát thanh truyền hình Cà Mau	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã/phường; các tổ chức, đơn vị có liên quan	Số lượng ấn phẩm và tin, bài, phóng sự tuyên truyền;...	Tháng 8-12/2026
2.3	Tuyên truyền, vận động hội viên nông dân áp dụng canh tác bền vững	Hội Nông dân	UBND các xã/phường		Tháng 8-11/2026
2.4	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp tỉnh/xã,... các kiến thức áp dụng trong thực hiện Đề án, kiến thức về hệ thống đo đạc, báo cáo thẩm định, kiểm kê khí nhà kính (MRV)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã/phường; các tổ chức, đơn vị có liên quan	100% cán bộ tham gia phụ trách Đề án được đào tạo tập huấn	Tháng 8-9/2026
2.5	Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân, HTX/THT và Doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã/phường; Liên minh HTX, Hội Nông dân; các tổ chức,	100% nông dân/thành viên HTX/THT,... trong vùng Đề án được đào tạo tập	Tháng 8-9/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
	(nếu có) trong vùng Đề án		đơn vị có liên quan	huấn chuyển giao kỹ thuật	
2.6	Cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	UBND các xã/phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương, đơn vị có liên quan	Cấp mã số vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân (HTX/THT/DN...) tham gia Đề án, có nhu cầu	Tháng 8-12/2026
2.7	Ứng dụng công nghệ số (nhật ký điện tử, phần mềm truy xuất nguồn gốc nông sản, đánh giá mức độ áp dụng theo quy trình kỹ thuật Đề án đưa ra,...)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Liên minh HTX, Hội Nông dân; các tổ chức có liên quan Trung ương, địa phương; tổ chức liên quan	- Mã QR, tài khoản hệ thống, dữ liệu truy xuất,... - Ứng dụng mobile; app ứng dụng trên điện thoại thông minh; Nền tảng web quản lý,...	Tháng 8-12/2026
2.8	Cung cấp dữ liệu khí tượng, thủy văn, cảnh báo thiên tai, hạn mặn phục vụ sản xuất	Đài Khí tượng thủy văn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã/phường	Bản tin phát hành	Thường xuyên Tháng 8-12/2026
3	Hỗ trợ phát triển vùng canh tác lúa chất lượng cao và phát thải thấp bền vững				
3.1	Rà soát, áp dụng, hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật đảm bảo tiêu chí phát triển bền vững Đề án				
3.1.1	Xây dựng mô hình trình diễn/nhân rộng canh tác lúa chất lượng cao và phát thải thấp trên các vùng sinh thái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã/phường; Liên minh HTX, Hội Nông dân; HTX, Doanh nghiệp liên kết; các tổ	- Xây dựng các mô hình trình diễn ít nhất 1.000 ha, có tính chất làm mẫu, đánh giá, hoàn thiện và nhân	Tháng 8-12/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
	và điều kiện sản xuất khác nhau		chức, đơn vị có liên quan	rộng - Báo cáo đánh giá kết quả mô hình và tài liệu hướng dẫn, quy trình kỹ thuật phục vụ nhân rộng	
3.1.2	Tổ chức thực hiện và nhân rộng mô hình canh tác lúa chất lượng cao, phát thải thấp trên địa bàn các xã, phường	UBND các xã/phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Liên minh HTX, Hội Nông dân; HTX, Doanh nghiệp liên kết; các tổ chức, đơn vị có liên quan	Phấn đấu thực hiện 5.000 ha theo mô hình của Đề án, theo diện tích được phân bổ tại Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 29/3/2026	Trong năm 2026
3.1.3	Thử nghiệm thiết lập hệ thống đo đạc và báo cáo thẩm định khí phát thải MRV tại các mô hình điểm trình diễn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã/phường và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Hệ thống đo lường, báo cáo, thẩm định vận hành	Tháng 9-12/2026
3.1.4	Triển khai các nhiệm vụ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất phát thải thấp; các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh quản lý nhãn hiệu lúa chất lượng cao, phát thải thấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Hội Nông dân; Liên minh hợp tác xã UBND các xã/phường và các đơn vị có liên quan	- Danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ được phê duyệt và tổ chức thực hiện - Quy trình được nghiệm thu và ban hành hướng dẫn áp dụng	Tháng 8-12/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
3.2	Đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng thủy lợi và giao thông nội đồng phục vụ Đề án				
3.2.1	Rà soát, đề xuất đầu tư hạ tầng thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất lúa trong vùng Đề án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban Quản lý dự án công trình nông nghiệp tỉnh Cà Mau; UBND các xã/phường; các tổ chức, đơn vị có liên quan Trung ương và địa phương	Hoàn thiện hạ tầng thủy lợi hoàn thiện phục vụ canh tác lúa giảm phát thải	Tháng 8-9/2026
3.2.2	Rà soát mạng lưới kho, cơ sở sấy, chế biến lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp trong vùng chuyên canh	Sở Nông nghiệp và Môi trường (CC CL, CB và PTTT)	Sở Công Thương; UBND các xã/phường; các tổ chức, đơn vị có liên quan	Danh mục cơ sở sấy, chế biến lúa gạo	Tháng 8-10/2026
3.3	Tăng cường hiệu quả hoạt động của khuyến nông cộng đồng				
	Hướng dẫn, củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng khuyến nông cơ sở, Tổ khuyến nông cộng đồng trong việc tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật và đồng hành cùng người dân, hợp tác xã triển khai Đề án	Sở Nông nghiệp và Môi trường (TTKN)	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; UBND các xã/phường	Tổ khuyến nông cộng đồng được thành lập/kiện toàn; 100% thành viên được đào tạo, tập huấn về canh tác lúa bền vững, chuyển đổi số, khí phát thải nhà kính trong canh tác lúa; được trang bị công cụ làm việc (nếu có); có báo cáo đánh giá năng lực và hiệu quả hoạt động phục vụ triển khai Đề án	Tháng 8-12/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Tổ chức liên kết sản xuất và quảng bá, tiêu thụ sản phẩm				
4.1	Phát triển kinh tế hợp tác				
4.1.1	Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; nâng cao năng lực cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn về HTX, THT phục vụ triển khai Đề án	Liên minh HTX tỉnh	UBND các xã/phường; Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>CC KTHT và PTNT</i>); các đơn vị liên quan	Các lớp tuyên truyền, đào tạo, tập huấn; tài liệu hướng dẫn; số lượng cán bộ, thành viên HTX/THT được hỗ trợ nâng cao năng lực	Tháng 8-9/2026
4.1.2	Rà soát, củng cố, phát triển HTX, THT trong vùng thực hiện Đề án; tuyên truyền, vận động hộ sản xuất tham gia tổ chức kinh tế tập thể, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>CC KTHT và PTNT</i>)	Liên minh HTX tỉnh; UBND các xã, phường	Danh sách HTX, THT, tổ chức nông dân tham gia Đề án; phương án củng cố, phát triển kinh tế hợp tác trong vùng thực hiện Đề án	Tháng 8-9/2026
4.1.3	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị, điều hành, tổ chức sản xuất, kinh doanh, thị trường, chuyển đổi số cho cán bộ quản lý HTX, THT; hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất theo chuỗi giá trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>CC KTHT và PTNT</i>)	Liên minh HTX tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	Kế hoạch, tài liệu tập huấn; danh sách cán bộ HTX, THT được đào tạo, tập huấn; kết quả đánh giá năng lực sau tập huấn	Tháng 8-12/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4.1.4	Hỗ trợ HTX, THT xây dựng phương án liên kết sản xuất - tiêu thụ; kết nối doanh nghiệp, cơ sở thu mua; hỗ trợ trao đổi, đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết theo quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>CC KTHT và PTNT</i>)	Liên minh HTX tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp, đơn vị liên quan	Danh sách HTX, THT có nhu cầu liên kết; phương án liên kết sản xuất - tiêu thụ; danh sách doanh nghiệp tham gia liên kết; hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (nếu có)	Tháng 8-12/2026
4.2	Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị cho sản phẩm lúa CLC, PTT; xây dựng và phát triển thương hiệu				
4.2.1	Xây dựng vùng nguyên liệu lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp tập trung (có liên kết doanh nghiệp - HTX - nông dân)	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>CC KTHT và TTNT</i>)	UBND các xã/phường; Liên minh HTX, Hội Nông dân, các tổ chức/đơn vị có liên quan	- ≥ 2 vùng nguyên liệu được hình thành; - Trên 60% (phần đầu 100%) diện tích lúa tham gia Đề án tại vùng nguyên liệu hình thành có Hợp đồng liên kết	Tháng 8-12/2026
4.2.2	Tổ chức liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa gạo; giám sát mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ tại địa bàn	UBND các xã/phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; HTX, Doanh nghiệp, Hội Nông dân, Liên minh HTX tỉnh	- Trên 60% (phần đầu 100%) diện tích lúa tham gia Đề án tại vùng nguyên liệu hình thành được bao tiêu thu mua sản phẩm đầu ra - Hợp đồng liên kết và báo cáo kết quả tiêu thụ lúa gạo qua chuỗi liên kết	Tháng 8-12/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4.2.3	Kết nối doanh nghiệp, ký kết hợp đồng bao tiêu lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp (<i>đặc biệt các địa điểm tại Phụ lục 2 chưa có đơn vị liên kết thu mua sản phẩm</i>)	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>CC KTHT và PTNT chủ trì; CC TT và BVTV, TTKN phối hợp</i>)	Sở Công Thương; UBND các xã/phường; tổ chức đơn vị có liên quan	Hợp đồng liên kết (Số lượng/giá trị)	Tháng 8-10/2026
4.2.4	Thực hiện xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp tại các thị trường, hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>CC CL, CB và PTTT</i>); UBND các xã/phường và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Lồng ghép với các hoạt động thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh năm 2026 đã được phê duyệt tại Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Tháng 8-12/2026
4.2.5	Hỗ trợ, hướng dẫn các hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo hộ nhãn hiệu lúa chất lượng cao, phát thải thấp (khi có nhu cầu)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh HTX	Lộ trình bảo hộ SHTT; Tài liệu tư vấn cho HTX/DN	Tháng 8-12/2026
4.2.6	Tổ chức tham quan thực tế các mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải	UBND các xã/phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các tổ chức, đơn vị có liên quan	Chuyến tham quan học tập kinh nghiệm	Tháng 8-12/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
	thấp, mô hình HTX có hoạt động liên kết chuỗi hiệu quả tại các địa phương tham gia Đề án, làm cơ sở học tập và nhân rộng trên địa bàn tỉnh				
5	Tài chính, tín dụng				
5.1	Triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp	Ngân hàng Nhà nước khu vực 15	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Cà Mau và Bạc Liêu; UBND các xã/phường và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Thỏa thuận hợp tác tín dụng; dư nợ cho vay	Tháng 8-12/2026
5.2	Thực hiện thỏa thuận cho vay liên kết chuỗi sản xuất-tiêu thụ lúa gạo (Thỏa thuận hợp tác số 3674/2025/TT/Agri CM.BL-SNNMT CM)	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh Cà Mau và Bạc Liêu	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã/phường và các tổ chức, đơn vị có liên quan; HTX; doanh nghiệp	Thỏa thuận hợp tác tín dụng; dư nợ cho vay	Tháng 8-12/2026
5.3	Hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí Đề án	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hồ sơ quyết toán kinh phí	Tháng 9-12/2026

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5.4	Đầu mối liên kết hợp tác tài chính, quốc tế, nhà đầu tư,...	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng KH-TC)	Sở Tài chính; UBND các xã/phường và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Biên bản ghi nhớ, hợp tác đầu tư	Tháng 8-12/2026
6	Đánh giá kết quả thực hiện Đề án				
6.1	Theo dõi, kiểm tra, giám sát định kỳ	Sở Nông nghiệp và Môi trường (CC TT và BVTV)	Các sở, ngành tỉnh; UBND các xã/phường và các tổ chức, đơn vị có liên quan; HTX; doanh nghiệp	Biên bản kiểm tra, bảng tổng hợp tiến độ và kiến nghị điều chỉnh (nếu có)	Tháng 8 và tháng 10/2026
6.2	Báo cáo tổng kết năm 2026			Báo cáo tổng kết gửi UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trước ngày 15/11 hàng năm 2026

Phụ lục 4

Biểu mẫu bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Đề án (dành cho cấp xã báo cáo)
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm	Kết quả	Tỷ lệ hoàn thành	Ghi chú
I	Tiến độ					
1	Diện tích đăng ký	ha				
2	Diện tích thực hiện	ha				
3	Tỷ lệ hoàn thành	%				
II	Tổ chức sản xuất					
3	Số hộ dân tham gia	hộ				
4	Số HTX/THT tham gia Đề án	HTX/THT				
5	Số HTX/THT tham gia liên kết	HTX/THT				
6	Diện tích có liên kết bao tiêu sản phẩm đầu ra	ha				
7	Tỷ lệ diện tích tham gia Đề án được cấp mã số vùng trồng	%				
8	Tỷ lệ ứng dụng cơ giới hóa	%	>50			
9	Tỷ lệ thu gom rơm sau thu hoạch	%	50			
10	Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch	%	<10			
III	Kỹ thuật					
11	Mức độ tuân thủ quy trình kỹ thuật canh tác bền vững	%	100			
12	Giảm lượng giống	kg/ha	70-80			
13	Giảm phân bón	%	20			
14	Giảm thuốc bảo vệ thực vật	%	20			
15	Tỷ lệ diện tích áp dụng tưới ngập khô	%	100			

	xen kẽ					
IV	Hiệu quả					
16	Năng suất lúa	tấn/ha				
17	Giá bán lúa	đồng/kg				
18	Tổng thu nhập	đồng/ha				
19	Lợi nhuận tăng thêm	đồng/ha				
20	Tỷ lệ giảm phát thải khí nhà kính	%	10			
V	Điều hành					
21	Số cuộc tập huấn					
22	Số lượt nông dân tham gia tập huấn					
23	Số cuộc kiểm tra thực hiện Đề án	Cuộc				
24	Tiến độ giải ngân và huy động nguồn lực	%				
25	Số mô hình được nhân rộng	Mô hình				

Ghi chú:

- Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Đề án và UBND các xã, phường thực hiện Đề án có trách nhiệm cập nhật, tổng hợp và báo cáo các chỉ số theo dõi, đánh giá theo từng vụ sản xuất; báo cáo kết quả thực hiện năm 2026 gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/11/2026 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Đối với chỉ tiêu áp dụng tưới ngập khô xen kẽ, thực hiện phù hợp với điều kiện sản xuất và đặc điểm từng vùng sinh thái.